TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 918/2020/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 625/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đường AP, ấp AP, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Lê Út M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số a, đường N, ấp BHT, xã TM, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 04 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Yến N và ông Lê Út M;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 134 ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã TM, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.cấp cho bà Trần Thị Yến N và ông Lê Út M không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Yến N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Đường AP, ấp AP, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Lê Út M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số a, đường N, ấp BHT, xã TM, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc D, sinh ngày 22/12/2011. Ông Mạnh trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Quốc D. Bà N cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà N không thi hành cấp dưỡng số tiền trên thì bà N còn phải trả cho ông M tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm cấp dưỡng tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định

tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung: Bà Trần Thị Yến N và ông Lê Út M cùng xác định không có.

* Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Yến N và ông Lê Út M cùng xác định không có.

* Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà N tự nguyện nộp, án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084085 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Hùng Vương